

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 18-9-2023.

V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Thoa;

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phan Thị Oanh;

Ông Lê Phú Hào.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Đức Duy, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 355/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2023 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 139/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Kpă Thị Bích T, sinh năm 1993; cư trú tại: khu phố N, Phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Tăng Trần Thế S, sinh năm 1984; cư trú tại: số M đường A, xã B, huyện Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn ngày 29/12/2022, Đơn xin ly hôn bổ sung ngày 21/8/2023 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Kpă Thị Bích T trình bày:

Chị và anh Tăng Trần Thế S tự nguyện tìm hiểu và kết hôn năm 2017 có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên. Sau khi kết hôn, vợ chồng thường xuyên không sống chung, đến tháng 3/2019 mới chung sống với nhau thì liên tục xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, cãi vã trong một thời gian dài; hai người đã sống ly thân từ tháng 11/2019 đến nay; gia đình hai bên đã hoà giải nhưng không thành. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S.

Về con chung: có 01 con chung là Tăng Nhật Thủy T, sinh ngày 10/3/2018, con hiện đang ở với chị. Ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nghĩa vụ trả nợ: Không có.

Tại Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn ngày 29/12/2022 và Đơn trình bày ngày 14/8/2023, bị đơn anh Tăng Trần Thế S trình bày: Anh đồng ý chọn Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hoà giải quyết việc ly hôn. Anh và chị Kpă Thị Bích T đăng ký kết hôn năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên. Trong thời gian chung sống, giữa anh và chị T xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, cuộc sống gia đình không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng này xảy ra trong một thời gian dài; hai người sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Nay, anh đồng ý ly hôn với chị Kpă Thị Bích T.

Về con chung: có 01 con chung là Tăng Nhật Thủy T, sinh ngày 10/3/2018. Anh đồng ý giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nghĩa vụ trả nợ: Không có.

Do vắng mặt bị đơn nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Tăng Trần Thế S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Kpă Thị Bích T và bị đơn anh Tăng Trần Thế S kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp; nay nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn. Xét thấy, nguyên đơn và bị đơn đã sống ly thân từ tháng 11/2019 đến nay, không còn yêu thương, chăm sóc, quan tâm đến nhau là không thực hiện đúng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình về tình nghĩa vợ chồng dẫn đến hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; nguyên đơn yêu cầu ly hôn và bị đơn cũng có ý kiến thống nhất ly hôn. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

[3] Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn có một con là Tăng Nhật Thủy T, sinh ngày 10/3/2018, con hiện đang ở với nguyên đơn. Ly hôn, nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi con; bị đơn có ý kiến thống nhất giao con cho

nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng là đúng quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao con chung cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng; bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Kpă Thị Bích T được ly hôn với anh Tăng Trần Thế S.

2. Về nuôi con chung: Giao con Tăng Nhật Thủy T, sinh ngày 10/3/2018 cho nguyên đơn chị Kpă Thị Bích T trực tiếp nuôi dưỡng; bị đơn anh Tăng Trần Thế S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Kpă Thị Bích T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại Biên lai số 0009967 ngày 21/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- VKSND TP. Tuy Hòa;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- UBND xã S, H. S;
- Chi cục THADS TP. Tuy Hoà
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Khánh Thoa

